

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
<u>Hội đồng Quản trị</u>		
Ông Nguyễn Gia Khoa	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/12/2020
Ông Lê Khánh Trinh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/12/2020
Ông Lưu Quang Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2020
Ông Nguyễn Việt Tùng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/12/2020
Ông Bùi Cảnh Hoàng	Thành viên	
Ông Trịnh Đức Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/7/2020
<u>Ban kiểm soát</u>		
Bà Phạm Thị Thu Hoài	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/12/2020
Ông Nguyễn Bá Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2020
Ông Cao Tiến Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/12/2020
Bà Nguyễn Thị Năm	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/12/2020
Ông Lương Ngọc Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2020
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/12/2020
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>		
Ông Hoàng Việt Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/10/2020
Ông Nguyễn Ngô Duy Khang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 21/10/2020
Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/12/2020
Ông Lê Khánh Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26/12/2020

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1/1/2020 đến ngày 28/10/2020 là ông Nguyễn Ngô Duy Khang, Tổng Giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 28/10/2020 đến ngày ký báo cáo này là ông Hoàng Việt Lâm, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt – CN Miền Bắc đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Hoàng Việt Lâm
Tổng Giám đốc



Số: 3003-11/03/2021/BCTC/VIETLANDMB-TRUONGTIEN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của công ty và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính trên cơ sở thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do những vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Do Công ty đang trong quá trình dừng hoạt động sản xuất kinh doanh chính (may trang phục, sản xuất sợi, sản xuất vải dệt, sản xuất hàng dệt kim, may mặc xuất khẩu) và không tiến hành thực hiện kiểm kê hàng tồn kho vào thời điểm cuối năm nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm này. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về số lượng hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020, với giá trị được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán là 36.211.285.183 VND.
- Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bản xác nhận độc lập từ một số khách hàng, đối tác và nhà cung cấp của Công ty với số dư tại ngày 31/12/2020 của:
 - + Phải thu ngắn hạn khách hàng : 20.875.998.407 VND.
 - + Trả trước cho người bán ngắn hạn : 5.465.592.502 VND.
 - + Phải thu ngắn hạn khác : 88.139.500.000 VND (trong đó có các khoản tạm ứng cho nhân viên để thực hiện các công việc kinh doanh của Công ty với số tiền là 28.000.000.000 VND).
 - + Phải trả người bán ngắn hạn : 6.774.395.551 VND.

Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể xác định được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu cũng như tình hình công nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020.

Tổng giá trị không thể xác định được của các khoản công nợ phải thu và hàng tồn kho của Công ty chiếm đến 70% giá trị tài sản thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

- Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số IV.1 của báo cáo tài chính, trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2020:

+ Công ty đã tạm dừng sản xuất các sản phẩm quần áo, bít tất, dẫn đến hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2020 (36.211.285.183 VND) không có biến động nhiều so với số dư tại ngày 31/12/2019 (35.755.457.235 VND).

+ Doanh thu của Công ty chủ yếu phát sinh là hoạt động thương mại đối với các hàng hóa là vải sợi và sụt giảm về giá trị rất lớn, chỉ bằng 9% so với kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2019.

+ Tổng khoản phải thu cho vay (24.500.000.000 VND) và các khoản phải thu khác (98.446.991.000 VND) có giá trị là 122.946.991.000 VND, đã quá 1/2 so với tổng vốn chủ sở hữu của Công ty (214.535.539.490 VND), dẫn đến yếu tố nghi ngờ về hiệu quả sử dụng vốn cho các hoạt động của Công ty.

Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không thể xác định được khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong năm tiếp theo.

Do những vấn đề nêu trên, chúng tôi không thể xác định được khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong năm tiếp theo, chúng tôi cũng không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với hàng tồn kho, các khoản phải thu, các khoản phải trả đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2021

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt –
CN Miền Bắc**



Nguyễn Mai Lan - Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1425-2018-037-1

Nguyễn Ngọc Quang - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4036-2019-037-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B01-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		188.420.287.826	175.839.850.177
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.263.016.991	692.361.174
1. Tiền	111		3.263.016.991	692.361.174
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.945.985.652	139.391.131.587
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	21.411.200.969	33.831.359.133
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.465.592.502	5.518.592.502
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	24.500.000.000	7.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	98.446.991.000	93.418.978.771
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2	(877.798.819)	(877.798.819)
III. Hàng tồn kho	140		36.211.285.183	35.755.457.235
1. Hàng tồn kho	141	V.7	36.211.285.183	35.755.457.235
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	900.181
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	900.181
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.115.251.664	47.155.666.740
I. Tài sản cố định	210		8.570.572.994	10.172.132.894
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	8.570.572.994	10.172.132.894
- Nguyên giá	222		14.096.201.364	14.096.201.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.525.628.370)	(3.924.068.470)
II. Bất động sản đầu tư	230	V.10	-	2.873.601.139
- Nguyên giá	231		-	3.087.524.523
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(213.923.384)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	16.714.285.714	31.714.662.514
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.714.285.714	31.714.662.514
IV. Tài sản dài hạn khác	260		830.392.956	2.395.270.193
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	830.392.956	2.395.270.193
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		214.535.539.490	222.995.516.917

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.145.104.689	33.485.818.349
I. Nợ ngắn hạn	310		21.303.022.136	28.188.416.966
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	6.774.395.551	10.850.138.495
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	205.585.548	2.634.101.648
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	68.032.078	944.816.077
4. Phải trả người lao động	314		33.352.609	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	591.773.895	80.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		19.373.000	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	12.629.231.526	12.698.082.817
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		981.277.929	981.277.929
II. Nợ dài hạn	330		4.842.082.553	5.297.401.383
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	4.842.082.553	5.297.401.383
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		188.390.434.801	189.509.698.568
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	188.390.434.801	189.509.698.568
1. Vốn điều lệ	411		171.071.640.000	171.071.640.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.162.555.858	1.162.555.858
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		16.156.238.943	17.275.502.710
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		17.275.502.710	30.356.803.679
- Phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức			-	(15.551.640.000)
- (Lỗ)/lợi nhuận kỳ này	421b		(1.119.263.767)	2.470.339.031
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		214.535.539.490	222.995.516.917

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Khuất Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Hoàng Việt Lân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	VI.1	13.940.628.875	163.477.923.160
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	11.076.858
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	13.940.628.875	163.466.846.302
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	13.090.225.441	158.656.956.226
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		850.403.434	4.809.890.076
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.862.112.051	2.922.320.146
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.634.649.946	2.282.469.769
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.634.649.946	2.282.469.769
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	-	166.085.646
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.745.577.897	2.861.390.345
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		332.287.642	2.422.264.462
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	2.421.463.971
12. Chi phí khác	32	VI.6	1.373.508.372	1.534.909.641
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác	40	VI.6	(1.373.508.372)	886.554.330
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước	50		(1.041.220.730)	3.308.818.792
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	78.043.037	838.479.761
16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.119.263.767)	2.470.339.031
17. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(65)	144

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021




Khuất Thị Trang
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng




 Hoàng Việt Lân
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. <i>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</i>	01	<i>(1.041.220.730)</i>	<i>3.308.818.792</i>
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.601.559.900	2.201.448.858
- Các khoản dự phòng	03	-	(700.000.000)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.945.059.535)	(3.118.761.695)
- Chi phí lãi vay	06	1.634.649.946	2.282.469.769
3. <i>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	<i>(750.070.419)</i>	<i>3.973.975.724</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	23.635.525.116	(17.819.429.447)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(455.827.948)	8.358.357.252
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.032.839.861)	(12.872.751.958)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.564.877.237	(1.778.549.575)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.042.876.051)	(2.282.469.769)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(453.520.610)	(6.657.598.253)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>15.465.267.464</i>	<i>(29.078.466.026)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.862.189.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.998.959.623	16.935.652.376
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.000.000.000)	(30.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	23.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.800.027.229)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	30.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.630.598.851	1.045.437.346
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(12.370.441.526)</i>	<i>31.818.873.402</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.127.180.866	34.520.207.177
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.651.350.987)	(57.775.225.243)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(524.170.121)</i>	<i>(23.255.018.066)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.570.655.817	(20.514.610.690)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	692.361.174	21.206.971.864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.263.016.991	692.361.174

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Khuất Thị Trang
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải Yến
 Kế toán trưởng



Hoàng Việt Lân
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền (“Công ty”) (trước đây là Công ty Cổ phần May Phú Thành) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 15 tháng 1 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 28 tháng 10 năm 2020. Tại lần điều chỉnh lần thứ 8, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần May Phú Thành thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền.

- **Vốn điều lệ** : 171.071.640.000 VND
Số cổ phiếu : 17.107.164 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
Địa chỉ : Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Mã số thuế : 0500578254

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, gia công và thương mại hàng may mặc, kinh doanh buôn bán xăng dầu, môi giới, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ liên quan đến in; In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Sản xuất đồ gỗ xây dựng: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn tổng hợp;
- Chuẩn bị mặt bằng: chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thực phẩm; chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Sản xuất các loại bánh từ bột; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất các sản phẩm nhựa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; và
- Hoạt động viễn thông khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, cấu trúc Công ty bao gồm trụ sở chính, các chi nhánh, văn phòng đại diện. Chi tiết như sau:

Chi nhánh, văn phòng đại diện

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền (*)	Phòng 07, tầng 29, Tòa nhà Landmark 81, 720A Điện Biên Phủ, phường 22, Quận Bình Thạnh, TP HCM	Như công ty
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền - Chi nhánh Hưng Yên (*)	Tổ dân phố Dương Hòa, phường Minh Đức, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Như công ty
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền - Chi nhánh Cần Thơ (*)	Số 02 đường Nguyễn Trãi, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Như công ty
Văn phòng giao dịch - Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền (**)	Ô 19-20 khu Liên Kề The Premier phố Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Văn phòng giao dịch

(*) Trong năm Công ty đã thực hiện xong các thủ tục chấm dứt hoạt động tại chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền, chi nhánh Hưng Yên, chi nhánh Cần Thơ.

(**) Ngày 06/01/2021, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 01/2021/ MPT/NQ-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh là Văn phòng giao dịch - Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền tại địa chỉ Ô 19-20 khu Liên Kề The Premier phố Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

(***) Ngày 26/01/2021, Công ty đã hoàn tất thủ tục mở địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền - Văn phòng giao dịch tại địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Trung Yên 1, Khu đô thị Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cơ sở hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2020:

- Công ty đã tạm dừng sản xuất các sản phẩm quần áo, bút tất, dẫn đến hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2020 (36.211.285.183 VND) không có biến động nhiều so với số dư tại ngày 31/12/2019 (35.755.457.235 VND).

- Doanh thu của Công ty chủ yếu phát sinh là hoạt động thương mại đối với các hàng hóa là vải sợi và sụt giảm về giá trị rất lớn, chỉ bằng 9% so với kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2019.

- Tổng khoản phải thu cho vay (24.500.000.000 VND) và các khoản phải thu khác (98.446.991.000 VND) có giá trị là 122.946.991.000 VND, đã quá 1/2 so với tổng vốn chủ sở hữu của Công ty (214.535.539.490 VND), dẫn đến yếu tố nghi ngờ về hiệu quả sử dụng vốn cho các hoạt động của Công ty.

Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác nhận sẽ thực hiện chuyển đổi cơ cấu ngành nghề kinh doanh, thực hiện thu hồi và cấu trúc các tài sản của Công ty trong các năm tiếp theo để Công ty có thể duy trì hoạt động trong năm

tiếp theo mà không có bất kỳ sự gián đoạn nào. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Trụ sở chính trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay, phải thu khác, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chuyển đổi và cổ phiếu ưu đãi.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 10 năm
Máy móc thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư vườn cây cao su, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế do Công ty nắm giữ chờ tăng giá.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản nắm giữ chờ tăng giá. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, thì nguyên giá của bất động sản đầu tư được ghi giảm tương ứng với tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Khi bất động sản đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

11. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền mua bảo hiểm, chi phí sửa chữa văn phòng và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

12. Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

13. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

14. Vốn góp

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Ghi nhận chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.247.137.934	546.785.954
Tiền gửi ngân hàng	15.879.057	145.575.220
- Tiền gửi ngân hàng VND	13.899.767	142.122.345
- Tiền gửi ngân hàng USD	1.979.290	3.452.875
	<u>3.263.016.991</u>	<u>692.361.174</u>

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
a, Ngắn hạn		
- Công ty CP Melange Việt Nam	1.942.908.175	4.810.423.684
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	1.584.850.199	10.059.917.034
- Công ty CP Dệt may Hưng Việt	2.633.131.989	2.633.131.989
- Công ty Cổ phần May Hùng Đông	1.901.396.714	1.901.396.714
- Công ty TNHH Thương mại Xăng Dầu Đại Việt	1.697.470.000	1.697.470.000
- Công ty TNHH Thiên Hoàng Anh	-	850.000.000
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	-	4.706.431.832
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.651.443.892	7.172.587.880
	<u>21.411.200.969</u>	<u>33.831.359.133</u>
b, Bên liên quan		
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	1.584.850.199	10.059.917.034
	<u>1.584.850.199</u>	<u>10.059.917.034</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(877.798.819)	(877.798.819)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất KTT - An Nguyễn	2.000.000.000	2.000.000.000
- Bà Đỗ Thị Phương	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty Kiến trúc Công trình	1.000.000.000	1.000.000.000
- Bà Trần Thị Phương	5.000.000	500.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	960.592.502	518.592.502
	<u>5.465.592.502</u>	<u>5.518.592.502</u>

4. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu cho vay ngắn hạn bao gồm các khoản cho vay ông Nguyễn Văn Sáng như sau: khoản 7,5 tỷ VND theo Hợp đồng vay số 02/2019/HĐVT ngày 29/6/2019, có thời hạn 1 năm, đã được gia hạn đến ngày 31/12/2020, và khoản 17 tỷ VND theo Hợp đồng vay số 01/2020/HĐVT ngày 1/4/2020, có thời hạn đến 31/12/2020. Các khoản vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất 11%/năm.

Các khoản vay đều đã quá hạn tại thời điểm 31/12/2020.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Hợp đồng mua bán cổ phần Công ty CP Đầu tư Phát triển Hướng Dương (*)	44.400.000.000	44.400.000.000
Tạm ứng nhân viên cũ (**)	28.000.000.000	-
<i>Bà Nguyễn Thị Linh</i>	<i>16.000.000.000</i>	-
<i>Ông Bùi Việt Quân</i>	<i>12.000.000.000</i>	-
Phải thu bà Lê Thị Thu Hiền về việc thoái cổ phần còn lại tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô (***)	15.147.000.000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Địa Ốc Trường Tiền Land	9.068.917.000	48.026.506.000
- Phải thu bán cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô (****)	8.026.506.000	30.588.000.000
- Phải thu lãi quá hạn khoản chuyển nhượng cổ phần (****)	1.042.411.000	1.238.506.000
- Phải thu hợp đồng đặt trước mua Dự án FLC Tropical City Hạ Long giai đoạn 2	-	16.200.000.000
Phải thu lãi vay ông Nguyễn Văn Sáng	1.238.574.000	-
Phải thu chi hệ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô	592.500.000	592.500.000
Phải thu ông Lê Khánh Trình	-	399.972.771
	<u>98.446.991.000</u>	<u>93.418.978.771</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	399.972.771

(*) Đây là khoản đặt cọc mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hướng Dương theo Hợp đồng chuyển nhượng số 05/2018/HĐCN ngày 30/11/2018 giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Yêu, ông Đoàn Quang Ánh, ông Hoàng Văn Thông và Công ty Cổ phần May Phú Thành (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền), số cổ phần chuyển nhượng là 990.000 cổ phần, với giá trị chuyển nhượng là 126.263 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng làm tròn là 125 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, hợp đồng mua bán cổ phần nêu trên vẫn chưa được hoàn tất.

(**) Khoản tạm ứng cho nhân viên cũ của Công ty để thực hiện các công việc kinh doanh của Công ty đã được thực hiện trong kỳ theo Biên bản của Hội đồng Quản trị số ngày 26/04/2020.

(***) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện việc thoái 336.600 cổ phần còn lại trong Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô (tương đương 19,8% tổng vốn cổ phần) cho Bà Lê Thị Thu Hiền, với giá chuyển nhượng là 15.147.000.000 đồng (tương đương 45.000 VND/cổ phần).

(****) Đây là giá trị còn lại chưa được thanh toán trong hợp đồng chuyển nhượng 1.346.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Trường Tiền Land. Phần gốc chậm trả được tính lãi suất 1,1%/tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. NỢ XẤU

	31/12/2020				01/01/2020				
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty TNHH Trường Thọ Phát	118.898.819	(118.898.819)	-	118.898.819	(118.898.819)	-	118.898.819	(118.898.819)	-
- Công ty TNHH Vải Giấy Thanh Cường	758.900.000	(758.900.000)	-	1.458.900.000	(758.900.000)	-	1.458.900.000	(758.900.000)	700.000.000
Cộng	877.798.819	(877.798.819)	-	1.577.798.819	(877.798.819)	-	1.577.798.819	(877.798.819)	700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.519.776.748	-	9.389.649.080	-
Công cụ, dụng cụ	492.576.549	-	492.576.549	-
Thành phẩm	11.812.303.262	-	11.900.662.674	-
Hàng hoá	15.386.628.624	-	13.972.568.932	-
	36.211.285.183	-	35.755.457.235	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa, đầu tư văn phòng	728.300.012	1.503.807.224
- Chi phí khác	102.092.944	891.462.969
	830.392.956	2.395.270.193

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2020	31.400.000	7.863.725.000	6.201.076.364	14.096.201.364
Tại ngày 31/12/2020	31.400.000	7.863.725.000	6.201.076.364	14.096.201.364
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2020	31.400.000	2.406.300.258	1.486.368.212	3.924.068.470
Khấu hao trong năm	-	786.372.504	815.187.396	1.601.559.900
Tại ngày 31/12/2020	31.400.000	3.192.672.762	2.301.555.608	5.525.628.370
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2020	-	4.671.052.238	3.899.520.756	8.570.572.994
Tại ngày 01/01/2020	-	5.457.424.742	4.714.708.152	10.172.132.894

• Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.570.572.994 VND.

• Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.400.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	3.087.524.523	3.087.524.523
Thanh lý, nhượng bán (*)	3.087.524.523	3.087.524.523
Tại ngày 31/12/2020	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	213.923.384	213.923.384
Thanh lý, nhượng bán (*)	213.923.384	213.923.384
Tại ngày 31/12/2020	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 31/12/2020	-	-
Tại ngày 01/01/2020	2.873.601.139	2.873.601.139

(*) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích văn phòng tại tòa nhà SME Hoàng Gia cho một đối tác doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Tỉ lệ	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	sở hữu	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Dệt may Phú	19,5%	16.714.285.714	16.714.285.714	(**)
Vĩnh Hưng				(**)
Công ty Cổ phần Đầu tư	0%	-	15.000.376.800	-
Thương mại Đồng Mỏ (*)				-
Cộng		16.714.285.714	31.714.662.514	-

(*) Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.5, trong kỳ, Công ty đã thực hiện việc thoái toàn bộ 336.600 cổ phần còn lại trong Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mỏ (tương đương 19,8% tổng vốn cổ phần) cho Bà Lê Thị Thu Hiền, với giá chuyển nhượng là 15.147.000.000 đồng (tương đương 45.000 VND/cổ phần).

(**) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dầu khí Minh Trí	4.542.228.600	4.542.228.600	4.542.228.600	4.542.228.600
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Máy và Phụ kiện ngành Dệt may Thiên Phong	717.300.000	717.300.000	717.300.000	717.300.000
- Công ty TNHH May Mặc và Thương Mại Phú Vinh Hưng	-	-	339.066.835	339.066.835
- Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á	-	-	3.287.426.109	3.287.426.109
- Các nhà cung cấp khác	1.514.866.951	1.514.866.951	1.964.116.951	1.964.116.951
	6.774.395.551	6.774.395.551	10.850.138.495	10.850.138.495
b, Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty TNHH May Mặc và Thương Mại Phú Vinh Hưng	-	-	339.066.835	339.066.835

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phương Mai	192.071.831	192.071.831
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Phú Mỹ	-	2.428.516.100
- Các khoản người mua trả trước khác	13.513.717	13.513.717
	205.585.548	2.634.101.648

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp/khấu trừ	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	503.481.860	1.362.207.303	1.865.185.451	503.712
Thuế TNDN	435.469.417	78.043.037	453.520.610	59.991.844
Thuế thu nhập cá nhân	5.864.800	7.536.522	5.864.800	7.536.522
Các loại thuế, lệ phí	-	42.214.325	42.214.325	-
Các loại thuế khác	-	7.700.000	7.700.000	-
	944.816.077	1.497.701.187	2.374.485.186	68.032.078

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trích trước chi phí kiểm toán	-	80.000.000
Lãi vay ngân hàng phải trả	591.773.895	-
	591.773.895	80.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		31/12/2020	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (1)	12.698.082.817	12.698.082.817	8.826.568.079	8.895.419.370	12.629.231.526	12.629.231.526
b. Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (2)	5.297.401.383	5.297.401.383	-	455.318.830	4.842.082.553	4.842.082.553
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Hà Nội - PGD Nam Đồng (3)	3.619.615.383	3.619.615.383	-	-	3.619.615.383	3.619.615.383
	1.677.786.000	1.677.786.000	-	455.318.830	1.222.467.170	1.222.467.170
	17.995.484.200	17.995.484.200	8.826.568.079	9.350.738.200	17.471.314.079	17.471.314.079

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(1) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hà Tây theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 43/19/KT/HM/VCBTHN ngày 04/12/2019 với hạn mức là 12,7 tỷ đồng. Lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay để tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(2) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hà Tây theo hợp đồng tín dụng số 80/16/KHDN/VCBHT-MPT ký ngày 7 tháng 9 năm 2016, hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, thời hạn cho vay 84 tháng, mục đích sử dụng là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện phương án đầu tư máy dệt kim và phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ khoản vay.

(3) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – CN Nam Đồng theo 03 hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 01/2019/HDTD/PVB-ND ngày 04/01/2019, số 02/2019/HDTD/PVB-ND ngày 04/01/2019 và 18/2019/HDTD/PVB-ND ngày 15/02/2019 thời hạn cho vay 84 tháng, mục đích sử dụng là mua phương tiện vận tải là ô tô. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<i>Năm 2019</i>							
Số dư tại ngày 01/01/2019	155.520.000.000		1.162.555.858		30.356.803.679		187.039.359.537
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (*)	15.551.640.000		-		(15.551.640.000)		-
Lợi nhuận trong năm	-		-		2.470.339.031		2.470.339.031
Số dư tại ngày 31/12/2020	171.071.640.000		1.162.555.858		17.275.502.710		189.509.698.568
<i>Năm 2020</i>							
Số dư tại ngày 01/01/2020	171.071.640.000		1.162.555.858		17.275.502.710		189.509.698.568
Lỗ trong năm	-		-		(1.119.263.767)		(1.119.263.767)
Số dư tại ngày 31/12/2020	171.071.640.000		1.162.555.858		16.156.238.943		188.390.434.801

(*) Thực hiện Nghị Quyết số 16/2019MPT/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty vào ngày 18 tháng 6 năm 2019, Công ty đã thực hiện niêm yết bổ sung 1.555.164 cổ phiếu phổ thông (mã cổ phiếu: MPT, mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu) với hình thức phát hành để trả cổ tức. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu niêm yết bổ sung là ngày 30 tháng 3 năm 2021 theo Thông báo số 1009/TB-SGDHN ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp của các đối tượng khác	171.071.640.000	171.071.640.000
	171.071.640.000	171.071.640.000

Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu phổ thông	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu phổ thông	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu phổ thông	17.107.164	17.107.164
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu (31/12/2018: 10.000 VND/cổ phiếu).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a) Tổng doanh thu		
- Doanh thu bán quần áo, bát tất	160.534.008	8.320.693.560
- Doanh thu bán các loại vải, sợi	10.691.135.244	8.405.031.454
- Doanh thu thương mại: hàng nông sản, xăng dầu	-	42.711.378.382
- Doanh thu thương mại: thép, máy móc	-	103.770.819.764
- Doanh thu khác	3.088.959.623	270.000.000
	13.940.628.875	163.477.923.160
b, Doanh thu với bên liên quan		
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	-	14.471.806.600
- Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng	-	1.398.350.000
c, Các khoản giảm trừ doanh thu	-	11.076.858
- Hàng bán bị trả lại	-	11.076.858
Doanh thu thuần	13.940.628.875	163.466.846.302

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Giá vốn quần áo, bít tất	117.375.152	7.192.192.049
- Giá vốn các loại vải, sợi	10.099.249.150	8.204.988.102
- Giá vốn thương mại: hàng nông sản, xăng dầu	-	41.287.957.380
- Giá vốn thương mại: thép, máy móc	-	101.971.818.695
- Giá vốn khác	2.873.601.139	-
	13.090.225.441	158.656.956.226

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.673.077.851	1.045.437.346
Lãi chậm trả khoản phải thu bán cổ phần	1.042.411.000	1.238.506.000
Lãi chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đồng Mô	146.623.200	588.376.800
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	50.000.000
	3.862.112.051	2.922.320.146

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.634.649.946	2.282.469.769
	1.634.649.946	2.282.469.769

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
a, Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	166.085.646
Chi phí bán hàng khác	-	166.085.646
b, Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	2.745.577.897	2.861.390.345
Chi phí nhân viên quản lý	446.115.414	861.912.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	647.699.400	643.911.140
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	-	(700.000.000)
Chi phí đồ dùng văn phòng	818.415.400	591.384.663
Chi phí dịch vụ mua ngoài	580.442.751	907.352.325
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	252.904.932	556.829.442

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Thu nhập khác	-	2.421.463.971
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.484.947.549
Các khoản thu nhập khác	-	936.516.422
Chi phí khác	1.373.508.372	1.534.909.641
Khấu hao tài sản cố định, chi phí trả trước do dừng sản xuất	1.020.914.608	1.014.972.494
Các khoản phạt chậm nộp	-	262.974.198
Các khoản truy thu thuế	-	249.071.449
Các khoản khác	352.593.764	7.891.500
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	(1.373.508.372)	886.554.330

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.090.225.441	145.620.137.060
Chi phí nhân công	446.115.414	307.665.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.434.071.904	2.033.960.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	580.442.751	479.667.598
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	-	(700.000.000)
Chi phí bằng tiền khác	1.658.456.200	2.055.566.430
	17.209.311.710	149.796.996.950

8. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế (năm 2019: 20%). Theo hướng dẫn của Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH2014 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(1.041.220.730)	3.308.818.792
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.598.670.996	79.796.092
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	-	(700.000.000)
<i>Chi phí không được trừ</i>	1.598.670.996	779.796.092
Thu nhập chịu thuế	557.450.266	3.388.614.884
Thuế suất áp dụng	14%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	78.043.037	677.722.977
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	160.756.784

9. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.119.263.767)	2.470.339.031
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.119.263.767)	2.470.339.031
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.107.164	16.080.330
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(65)	154

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan như sau:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng
 Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng
 Ông Lê Khánh Trình

Mối quan hệ

Đầu tư vào công ty khác
 Liên quan đến thành viên HĐQT cũ
 Chủ tịch HĐQT cũ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	1.584.850.199	10.059.917.034
Phải thu ngắn hạn khác		
- Ông Lê Khánh Trình	-	399.972.771
Phải trả ngắn hạn nhà cung cấp		
- Công ty TNHH May Mặc và Thương Mại Phú Vĩnh Hưng	-	339.066.835

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	-	15.918.987.260
- Công ty Cổ phần Dệt may Phú Vĩnh Hưng	-	1.538.185.000
Mua hàng		
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	-	6.386.285.635
- Công ty TNHH May Mặc và Thương Mại Phú Vĩnh Hưng	-	12.126.734.668
Mua cổ phần Công ty CP Đầu tư Thương mại Đồng Mô		
- Ông Lê Khánh Trình	-	6.800.027.229

Thu nhập các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong năm:

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lương và thưởng	180.937.522	355.908.000
	<u>180.937.522</u>	<u>355.908.000</u>

2. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay:

Chỉ tiêu	Quần áo, bất tất	Sợi, vải các loại	Doanh thu hàng thương mại: Hàng nông sản, xăng dầu	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu	160.534.008	10.691.135.244	-	3.088.959.623	13.940.628.875
Các khoản giảm trừ doanh thu					-
Giá vốn hàng bán	117.375.152	10.099.249.150	-	2.873.601.139	13.090.225.441
Lợi nhuận gộp	43.158.856	591.886.094	-	215.358.484	850.403.434
Tổng giá trị còn lại của tài sản					214.535.539.490
Nợ phải trả					26.145.104.689
Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					2.815.154.972
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước:

Chỉ tiêu	Quản áo, bút tất	Sợi, vải các loại	Doanh thu hàng thương mại: Hàng nông sản, xăng dầu	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu	8.320.693.560	8.405.031.454	146.482.198.146	270.000.000	163.477.923.160
Các khoản giảm trừ doanh thu	11.076.858				11.076.858
Giá vốn hàng bán	7.192.192.049	8.204.988.102	143.259.776.075	-	158.656.956.226
Lợi nhuận gộp	1.117.424.653	200.043.352	3.222.422.071	270.000.000	4.809.890.076
Tổng giá trị còn lại của tài sản					222.995.516.917
Nợ phải trả					33.485.818.349
Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					4.367.418.955
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					3.291.311.312
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận dựa theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Hà Nội nên Công ty không lập báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay ngắn hạn, dài hạn chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ, ngoại trừ việc tăng tỷ lệ phòng ngừa rủi ro. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.263.016.991	-	3.263.016.991
Phải thu khách hàng	21.411.200.969	-	21.411.200.969
Phải thu về cho vay	24.500.000.000	-	24.500.000.000
Phải thu khác	98.446.991.000	-	98.446.991.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	16.714.285.714	16.714.285.714
Trừ:	(877.798.819)	-	(877.798.819)
Dự phòng phải thu khó đòi	(877.798.819)	-	(877.798.819)
Tổng cộng	146.743.410.141	16.714.285.714	163.457.695.855
Các khoản vay và nợ	12.629.231.526	4.842.082.553	17.471.314.079
Phải trả người bán	6.774.395.551	-	6.774.395.551
Phải trả, phải nộp và chi phí khác	611.146.895	-	611.146.895
Tổng cộng	20.014.773.972	4.842.082.553	24.856.856.525
Chênh lệch thanh khoản thuần	126.728.636.169	11.872.203.161	138.600.839.330

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	692.361.174	-	692.361.174
Phải thu khách hàng	33.831.359.133	-	33.831.359.133
Các khoản đầu tư	7.500.000.000	-	7.500.000.000
Phải thu khác	93.418.978.771	-	93.418.978.771
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.000.376.800	16.714.285.714	31.714.662.514
Trừ:	(877.798.819)	-	(877.798.819)
Dự phòng phải thu khó đòi	(877.798.819)	-	(877.798.819)
Tổng cộng	149.565.277.059	16.714.285.714	166.279.562.773
Các khoản vay và nợ	12.698.082.817	5.297.401.383	17.995.484.200
Phải trả người bán	10.850.138.495	-	10.850.138.495
Phải trả, phải nộp và chi phí khác	80.000.000	-	80.000.000
Tổng cộng	23.628.221.312	5.297.401.383	28.925.622.695
Chênh lệch thanh khoản thuần	125.937.055.747	11.416.884.331	137.353.940.078

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
 Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.263.016.991	3.263.016.991	692.361.174	692.361.174
Phải thu của khách hàng	20.533.402.150	20.533.402.150	32.953.560.314	32.953.560.314
Phải thu về cho vay	24.500.000.000	24.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000
Phải thu khác	98.446.991.000	98.446.991.000	93.418.978.771	93.418.978.771
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.714.285.714	16.714.285.714	31.714.662.514	31.714.662.514
Tổng cộng	163.457.695.855	163.457.695.855	166.279.562.773	166.279.562.773
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	6.774.395.551	6.774.395.551	10.850.138.495	10.850.138.495
Các khoản vay và nợ	17.471.314.079	17.471.314.079	17.995.484.200	17.995.484.200
Phải trả, phải nộp và chi phí khác	611.146.895	611.146.895	8.280.827	8.280.827
Tổng cộng	24.856.856.525	24.856.856.525	28.853.903.522	28.853.903.522

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, cho vay ngân hàng, các khoản vay và nợ ngắn hạn, các khoản phải trả người bán, và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn; và
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán.

5. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021



Khuất Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải Yên
Kê toán trưởng



Hoàng Việt Lân
Tổng Giám đốc

